BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2011/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2011*

THÔNG TƯ

Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Sản xuất và chế biến - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Sức khỏe

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Công nghệ sợi; Trồng cây công nghiệp; Trồng cây ăn quả; Kỹ thuật dâu tằm tơ; Kỹ thuật dược;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Công nghệ sợi" (Phụ lục 1).

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Trồng cây công nghiệp" (Phụ lục 2).

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Trồng cây ăn quả" (Phụ lục 3).

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Kỹ thuật dâu tằm tơ" (Phụ lục 4).

5. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Kỹ thuật dược" (Phụ lục 5).

Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2011.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phi

Phụ lục 1

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "CÔNG NGHỆ SỢI"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 1A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Công nghệ sợi

Mã nghề: 40540203

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức của các môn cơ sở như vẽ kỹ thuật, kỹ thuật điện, thông gió và điều hòa không khí, an toàn lao động và môi trường để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghề kéo sợi;

+ Nhận biết được đặc điểm, tính chất các loại xơ, sợi, vải sử dụng trong quá trình kéo sợi, dệt vải và nhuộm hoàn tất;

+ Giải thích được các kiến thức đại cương về công nghệ kéo sợi, dệt vải và nhuộm hoàn tất vật liệu dệt;

+ Tìm hiểu được quá trình thực hiện công nghệ của thiết bị trong các công đoạn kéo sợi;

+ Kiểm tra, đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng của bán thành phẩm và thành phẩm trên dây chuyền kéo sợi;

+ Sử dụng được một số tài liệu kỹ thuật nghề kéo sợi bằng tiếng Anh để tham gia lao động sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các phương án công nghệ phù hợp với mặt hàng sợi cần gia công;

+ Thao tác kỹ thuật, vận hành thiết bị kéo sợi để gia công sản xuất sợi đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm;

+ Có khả năng làm việc độc lập trên các công đoạn sản xuất sợi;

+ Thực hiện được một số chu kỳ kiểm tra đánh giá chất lượng cơ bản trên dây chuyền kéo sợi;

+ Thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong quá trình sản xuất;

+ Tham gia hướng dẫn đào tạo kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của nghề kéo sợi tại Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam và công nhân nghề Sợi;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể trực tiếp tham gia sản xuất trên các dây chuyền công nghệ kéo sợi của các doanh nghiệp sản xuất sợi trong nước hoặc nước ngoài. Ngoài ra học sinh có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề;

- Là công nhân kỹ thuật trực tiếp sản xuất trên dây chuyền kéo sợi;

- Làm tổ trưởng sản xuất quản lý một công đoạn trong dây chuyền kéo sợi;

- Nhân viên kỹ thuật quản lý quy trình công nghệ kéo sợi;

- Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng sản phẩm trên các công đoạn gia công kéo sợi hoặc làm việc trực tiếp trên các phòng thí nghiệm sợi.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1770 giờ; Thời gian học tự chọn: 570 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 614 giờ; Thời gian học thực hành: 1726 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung

giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1770**	**457**	**1102**	**211**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**270**	**185**	**68**	**17**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	15	13	2
MH 08	Thông gió và điều hòa không khí	45	29	13	3
MH 09	Kỹ thuật điện	45	27	15	3
MH 10	An toàn lao động và môi trường	30	23	5	2
MH 11	Vật liệu dệt	60	42	15	3
MH 12	Đại cương công nghệ sợi - dệt - nhuộm	60	49	7	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1500**	**272**	**1034**	**194**
MH 13	Tiếng Anh chuyên ngành	45	26	17	2
MĐ 14	Công nghệ xé, trộn - chải thô	120	32	78	10
MĐ 15	Công nghệ ghép - thô	120	32	78	10
MĐ 16	Công nghệ chải kỹ	90	25	55	10
MĐ 17	Công nghệ kéo sợi con	90	25	59	6
MĐ 18	Công nghệ xe sợi	90	25	52	13

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 19	Kiểm tra chất lượng sản phẩm	30	21	7	2
MĐ 20	Gia công xơ trên liên hợp xé trộn	90	8	67	15
MĐ 21	Gia công chải thô	90	8	67	15
MĐ 22	Gia công ghép cúi	90	8	67	15
MĐ 23	Gia công chải kỹ	90	10	66	14
MĐ 24	Gia công kéo sợi thô	90	8	72	10
MĐ 25	Gia công kéo sợi con	120	8	95	17
MĐ 26	Gia công đánh ống	75	8	52	15
MĐ 27	Gia công đậu sợi	75	8	57	10
MĐ 28	Gia công xe sợi	90	8	67	15
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	105	12	78	15
Tổng cộng		**1980**	**563**	**1189**	**228**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Văn hóa doanh nghiệp	30	15	13	2
MĐ 31	Sản xuất sợi pha Polyester/Cotton	150	32	103	15

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Sản xuất sợi Cotton	150	35	100	15
MĐ 33	Sản xuất sợi Visco	90	22	58	10
MĐ 34	Sản xuất sợi Polyester	120	20	90	10
MĐ 35	Sản xuất sợi đay	120	35	74	11

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 15% đến 30%, thực hành chiếm tỷ lệ từ 70% đến 85%;

+ Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề Công nghệ sợi ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 trong số 6 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Văn hóa doanh nghiệp	30	15	13	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 31	Sản xuất sợi pha Polyester/Cotton	150	32	103	15
MĐ 32	Sản xuất sợi Cotton	150	35	100	15
MĐ 34	Sản xuất sợi Polyester	120	20	90	10
MĐ 35	Sản xuất sợi đay	120	35	74	11
	Tổng cộng	**570**	**137**	**380**	**53**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Trung cấp nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho học sinh. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng;

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường nên bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, 19/5	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất	Tập trung, nhóm	Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về nghề Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet

4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 1B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: **Công nghệ sợi**

Mã nghề: 50540203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 42

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ sở của các môn học như vẽ kỹ thuật, kỹ thuật điện, thông gió và điều hòa không khí, toán ứng dụng, an toàn lao động và môi trường, vận dụng để thực hiện các nhiệm vụ, công việc của nghề kéo sợi;

+ Nhận biết được đặc điểm, tính chất các loại xơ, sợi, vải sử dụng trong quá trình kéo sợi, dệt vải và nhuộm hoàn tất;

+ Giải thích được các kiến thức đại cương về công nghệ sợi, dệt và nhuộm hoàn tất vật liệu dệt;

+ Nhận thức và tiếp cận được các kiến thức về quản trị một doanh nghiệp sản xuất sợi trong cơ chế thị trường;

+ Phân tích được các công nghệ cơ bản để thực hiện quá trình kéo sợi từ xơ đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm;

+ Quản lý, kiểm tra, đánh giá được các chỉ tiêu chất lượng của bán sản phẩm và sản phẩm trong quá trình kéo sợi;

+ Thiết kế được một dây chuyền kéo sợi hoàn chỉnh dựa trên cơ sở mặt bằng lắp đặt thiết bị và khả năng đầu tư công nghệ;

+ Định mức được nguyên liệu, nhân công, năng suất đầu máy trong dây chuyền kéo sợi để quá trình sản xuất liên tục, đảm bảo chi phí sản xuất thấp nhất;

+ Sử dụng được một số tài liệu kỹ thuật nghề kéo sợi bằng tiếng Anh để ứng dụng vào quá trình làm việc.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn được các phương án công nghệ phù hợp với mặt hàng sợi cần gia công;

+ Tính toán và thiết kế công nghệ các máy trong dây chuyền kéo sợi;

+ Kiểm tra được các chỉ tiêu chất lượng sợi và thực hiện quá trình đánh giá chất lượng sợi sau khi sản xuất;

+ Định mức chính xác về nhân công, năng suất các máy trên dây chuyền kéo sợi trên cơ sở điều kiện vật chất và trang thiết bị của doanh nghiệp;

+ Thao tác kỹ thuật và vận hành các thiết bị kéo sợi đảm bảo quá trình gia công đạt năng suất và chất lượng sản phẩm;

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ, công việc của nghề kéo sợi;

+ Gia công sản xuất các mặt hàng sợi từ đơn giản đến phức tạp theo yêu cầu của khách hàng;

+ Đảm bảo an toàn vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong quá trình sản xuất;

+ Quản lý, giám sát và xử lý mọi tình huống trong quá trình sản xuất trên dây chuyền công nghệ sợi;

+ Có năng lực kèm cặp, hướng dẫn, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Trình bày được một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để định hướng cho bản thân trong quá trình lao động sản xuất;

+ Phân tích và phát biểu được đường lối phát triển kinh tế của Đảng trong cơ chế thị trường, những thành tựu và định hướng phát triển của nghề kéo sợi tại Việt Nam;

+ Tìm hiểu về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam và công nhân ngành Sợi, Dệt, Nhuộm để kế thừa truyền thống và phát triển năng lực của ngành trong giai đoạn tới;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có tâm huyết với nghề và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

+ Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc;

+ Nêu cao ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đảm bảo sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế để lao động trong ngành kéo sợi;

+ Thực hiện các phương pháp rèn luyện thể chất để nâng cao sức khỏe, tạo cơ hội phấn đấu và phát triển;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, sinh viên có thể trực tiếp tham gia sản xuất trên các dây chuyền công nghệ kéo sợi của các doanh nghiệp sản xuất sợi trong nước hoặc nước ngoài. Ngoài ra sinh viên còn có năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề;

- Làm tổ trưởng quản lý sản xuất tại các tổ, nhóm trong doanh nghiệp sản xuất sợi;

- Kỹ thuật viên quản lý quy trình công nghệ kéo sợi;

- Cán bộ định mức, thiết kế công nghệ sản xuất sợi;

- Kỹ thuật viên kiểm tra chất lượng sản phẩm trên các công đoạn gia công kéo sợi;

- Cán bộ kỹ thuật và quản lý trực tiếp các phòng thí nghiệm sợi của các doanh nghiệp sản xuất sợi trong nước hoặc nước ngoài;

- Cán bộ tổ chức và quản lý doanh nghiệp kéo sợi với quy mô lớn, vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 03 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2565 giờ; Thời gian học tự chọn: 735 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 961 giờ; Thời gian học thực hành: 2339 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2565**	**732**	**1522**	**311**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**360**	**224**	**113**	**23**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	45	21	21	3
MH 08	Toán ứng dụng	60	25	31	4
MH 09	Thông gió và điều hòa không khí	45	29	13	3
MH 10	Kỹ thuật điện	60	35	21	4
MH 11	An toàn lao động và môi trường	30	23	5	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 12	Vật liệu dệt	60	42	15	3
MH 13	Đại cương công nghệ sợi - dệt - nhuộm	60	49	7	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2205**	**508**	**1409**	**288**
MH 14	Tiếng Anh chuyên ngành	60	34	23	3
MH 15	Quản trị doanh nghiệp	45	27	15	3
MĐ 16	Công nghệ xé trộn - chải thô	150	50	88	12
MĐ 17	Công nghệ ghép - thô	150	50	87	13
MĐ 18	Công nghệ chải kỹ	120	35	73	12
MĐ 19	Công nghệ kéo sợi con	120	45	67	8
MĐ 20	Công nghệ xe sợi	120	40	64	16
MH 21	Quản trị chất lượng sản phẩm	60	41	15	4
MH 22	Cơ sở thiết kế dây chuyền kéo sợi	45	29	12	4
MH 23	Tổ chức sản xuất và định mức kỹ thuật trong doanh nghiệp kéo sợi	45	32	10	3
MĐ 24	Gia công xơ trên liên hợp xé trộn	120	10	90	20
MĐ 25	Gia công chải thô	120	10	90	20
MĐ 26	Gia công ghép cúi	105	10	75	20
MĐ 27	Gia công chải kỹ	105	15	74	16
MĐ 28	Gia công kéo sợi thô	105	10	80	15
MĐ 29	Gia công kéo sợi con	150	10	118	22
MĐ 30	Gia công đánh ống	90	10	60	20
MĐ 31	Gia công đậu sợi	90	10	68	12
MĐ 32	Gia công xe sợi	105	10	75	20
MĐ 33	Quản lý kỹ thuật	150	15	115	20
MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	150	15	110	25
Tổng cộng		**3015**	**952**	**1722**	**341**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 35	Ứng dụng tin học trong công nghệ sợi	60	41	15	4
MH 36	Văn hóa doanh nghiệp	30	15	13	2
MĐ 37	Sản xuất sợi xe và chỉ	90	12	69	9
MĐ 38	Sản xuất sợi đay	120	35	74	11
MH 39	Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong kéo sợi	30	21	7	2
MĐ 40	Sản xuất sợi pha Polyester/Cotton	150	32	103	15
MĐ 41	Sản xuất sợi pha Polyester/Visco	120	27	80	13
MĐ 42	Sản xuất sợi kiểu	90	10	72	8
MĐ 43	Sản xuất sợi màu	105	20	75	10
MĐ 44	Sản xuất sợi len	90	12	69	9

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 25% đến 35%, thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 75%;

+ Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề Công nghệ sợi ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 8 trong số 10 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 35	Ứng dụng tin học trong công nghệ sợi	60	41	15	4
MĐ 37	Sản xuất sợi xe và chỉ	90	12	69	9
MĐ 38	Sản xuất sợi đay	120	35	74	11
MH 39	Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong kéo sợi	30	21	7	2
MĐ 40	Sản xuất sợi pha Polyester/Cotton	150	32	103	15
MĐ 42	Sản xuất sợi kiểu	90	10	72	8
MĐ 43	Sản xuất sợi màu	105	20	75	10
MĐ 44	Sản xuất sợi len	90	12	69	9
Tổng cộng		**735**	**183**	**484**	**68**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như phổ biến các quy chế đào tạo nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình, máy tính kết nối Internet tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp;

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề nên bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh sợi phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20.11, 19.5	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất	Tập trung, nhóm	Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về nghề Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu, bổ xung các kiến thức chuyên môn Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet

4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 2

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 2A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Trồng cây công nghiệp

Mã nghề: 40620103

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất cây giống cây công nghiệp dài ngày;

+ Nêu tên và cách sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất điều tiết sinh trưởng, hóa chất bảo quản thường sử dụng trong nghề trồng cây công nghiệp;

+ Liệt kê được các bước của quy trình sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản đáp ứng yêu cầu từng loại cây công nghiệp và điều kiện sản xuất;

+ Mô tả được nguyên tắc, quy trình vận hành, những hư hỏng và biện pháp duy trì bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc thường dùng trong sản xuất cây công nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được thu thập thông tin, tra cứu tài liệu trên Internet để phục vụ sản xuất kinh doanh cây công nghiệp;

+ Phân biệt được các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất điều tiết sinh trưởng, hóa chất bảo quản thường sử dụng cho sản xuất cây công nghiệp;

+ Xây dựng vườn trồng cây công nghiệp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;

+ Sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, thu hái sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp có hiệu quả, theo đúng quy trình;

+ Tính toán được các tiêu chí đầu vào, đầu ra và xác định giá thành theo kỳ sản xuất kinh doanh Thống kê được các khoản thu, chi và tính được giá thành khi tiêu thụ sản phẩm;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc trong sản xuất cây công nghiệp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trồng cây công nghiệp có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình, các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây công nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ.

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ.

+ Thời gian học bắt buộc: 1680 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 482 giờ; Thời gian học thực hành: 1178 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm nhằm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
I	*Các môn chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1680**	**468**	**1100**	**112**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**300**	**164**	**116**	**20**
MH 07	Sinh lý thực vật	45	30	12	3
MH 08	Đất và phân bón	60	20	36	4
MH 09	Giống cây trồng	45	30	12	3
MH 10	Bảo vệ môi trường	30	20	8	2
MH 11	Tin học ứng dụng	60	36	20	4
MH 12	Bảo vệ thực vật đại cương	60	28	28	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1380**	**292**	**996**	**92**
MĐ 13	Sản xuất cây giống cây công nghiệp	150	32	108	10
MĐ 14	Thiết lập vườn trồng cây công nghiệp	60	16	40	4
MĐ 15	Sử dụng máy nông nghiệp	60	16	40	4
MĐ 16	Sử dụng hệ thống tưới nước	60	16	40	4
MĐ 17	Trồng và chăm sóc cây lạc, đậu tương	75	22	48	5
MĐ 18	Trồng và chăm sóc cây thuốc lá	60	16	40	4
MĐ 19	Trồng và chăm sóc cây chè	180	36	132	12
MĐ 20	Trồng và chăm sóc cây cà phê	180	28	140	12
MĐ 21	Trồng và chăm sóc cây cao su	180	36	132	12
MĐ 22	Tiêu thụ sản phẩm	60	20	36	4
MĐ 23	Thực tập tay nghề	315	54	240	21
	Tổng cộng	**1890**	**574**	**1187**	**129**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Trồng và chăm sóc cây vừng	60	16	40	4
MĐ 25	Trồng và chăm sóc cây hướng dương	60	16	40	4
MĐ 26	Trồng và chăm sóc cây jatropha	60	20	36	4
MĐ 27	Trồng và chăm sóc cây bông	60	16	40	4
MĐ 28	Trồng và chăm sóc cây đay	60	16	40	4
MĐ 29	Trồng và chăm sóc cây dứa sợi	60	16	40	4
MĐ 30	Trồng và chăm sóc cây ca cao	60	20	36	4
MĐ 31	Trồng và chăm sóc cây tiêu	60	16	36	4
MĐ 32	Trồng và chăm sóc quế	60	20	36	4
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây trầu	60	16	40	4
MĐ 34	Trồng và chăm sóc một số cây dược liệu	90	24	60	6
MĐ 35	Sản xuất nấm	90	24	60	6
MĐ 36	Nông lâm kết hợp	60	20	36	4
MĐ 37	Kỹ năng giao tiếp đàm phán	60	20	36	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ trung cấp nghề Cây công nghiệp là 660 giờ, chiếm 30% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền, các Cơ sở đào tạo nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 660 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho các vùng, miền;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 24	Trồng và chăm sóc cây vừng	60	16	40	4
MĐ 25	Trồng và chăm sóc cây hướng dương	60	16	40	4
MĐ 26	Trồng và chăm sóc cây jatropha	60	20	36	4
MĐ 27	Trồng và chăm sóc cây bông	60	16	40	4
MĐ 28	Trồng và chăm sóc cây đay	60	16	40	4
MĐ 29	Trồng và chăm sóc cây dứa sợi	60	16	40	4
MĐ 30	Trồng và chăm sóc cây ca cao	60	20	36	4
MĐ 32	Trồng và chăm sóc quế	60	20	36	4
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây trầu	60	16	40	4
MĐ 36	Nông lâm kết hợp	60	20	36	4
MĐ 37	Kỹ năng giao tiếp đàm phán	60	20	36	4
	Tổng cộng	**660**	**190**	**424**	**46**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 60 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Thi lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị là 40 phút và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (*tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra học sinh có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt thăm quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	 Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần
6	Tự tổ chức các cuộc thi thiết kế non bộ - tiểu cảnh, vườn cảnh.	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: căn cứ vào những nội dung phần tự chọn học sinh có thể học một phần hoặc toàn bộ các môn học, mô đun tự chọn./.

Phụ lục 2B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Trồng cây công nghiệp

Mã nghề: 50620103

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 45

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các bước trong khảo sát nhu cầu thị trường, lập kế hoạch kinh doanh sản xuất cây công nghiệp;

+ So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất cây giống để lựa chọn được phương pháp phù hợp từng loại cây công nghiệp;

+ Vận dụng các kiến thức về sinh lý, đất và phân bón, giống cây trồng, bảo vệ thực vật để giải thích các bước trong quy trình sản xuất cây công nghiệp;

+ Phân tích được yêu cầu, lưu ý trong các bước của quy trình sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản đáp ứng yêu cầu từng loại cây công nghiệp và điều kiện sản xuất;

+ Mô tả được nguyên tắc, quy trình vận hành, những hư hỏng và biện pháp duy trì bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc thường dùng trong sản xuất cây công nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thu thập thông tin, tra cứu tài liệu trên Internet để phục vụ kinh doanh sản xuất cây công nghiệp;

+ Khảo sát nhu cầu thị trường, lập kế hoạch và tổ chức kinh doanh sản xuất cây công nghiệp đạt hiệu quả;

+ Sử dụng được phần mềm chuyên dụng phân tích, thống kê các kết quả nghiên cứu thị trường, quản lý cây công nghiệp trong cơ sở sản xuất;

+ Thiết lập vườn trồng cây công nghiệp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;

+ Sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, điều tiết sinh trưởng, quản lý dịch hại, thu hái sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp một cách thành thạo đạt hiệu quả cao;

+ Tổ chức quản lý sản xuất cây công nghiệp có hiệu quả, theo đúng quy trình

+ Phân tích được hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kỳ sản xuất kinh doanh;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc trong sản xuất cây công nghiệp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang.

3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề Trồng cây công nghiệp có khả năng quản lý tổ nhóm và làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình, các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây công nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 612 giờ; Thời gian học thực hành: 1698 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2310**	**564**	**1592**	**154**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**390**	**196**	**168**	**26**
MH 07	Sinh lý thực vật	60	36	20	4
MH 08	Đất và phân bón	60	20	36	4
MH 09	Giống cây trồng	60	36	20	4
MH 10	Bảo vệ môi trường	30	20	8	2
MH 11	Tin học ứng dụng	60	36	20	4
MH 12	Bảo vệ thực vật đại cương	60	28	28	4
MH 13	Chế biến và bảo quản nông sản	60	20	36	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1920**	**372**	**1420**	**128**
MĐ 14	Điều tra thị trường sản phẩm cây công nghiệp	60	16	40	4
MĐ 15	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	60	16	40	4
MĐ 16	Sản xuất cây giống cây công nghiệp	150	32	108	10
MĐ 17	Thiết lập vườn trồng cây công nghiệp	60	16	40	4
MĐ 18	Sử dụng máy nông nghiệp	60	16	40	4
MĐ 19	Sử dụng hệ thống tưới nước	60	16	40	4
MĐ 20	Trồng và chăm sóc cây lạc, đậu tương	75	22	48	5
MĐ 21	Trồng và chăm sóc cây thuốc lá	60	16	40	4
MĐ 22	Trồng và chăm sóc cây mía	75	22	48	5
MĐ 22	Trồng và chăm sóc cây sắn	60	16	40	4
MĐ 24	Trồng và chăm sóc cây dừa	75	18	52	5
MĐ 25	Trồng và chăm sóc cây chè	180	36	132	12
MĐ 26	Trồng và chăm sóc cây cà phê	180	28	140	12
MĐ 27	Trồng và chăm sóc cây cao su	180	36	132	12
MĐ 28	Tiêu thụ sản phẩm	75	22	48	5
MĐ 29	Quản trị sản xuất cây công nghiệp	60	16	40	4
MĐ 30	Thực tập tay nghề	450	28	392	30
	Tổng cộng	**2760**	**784**	**1792**	**184**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Tiếng Anh nông nghiệp	60	28	28	4
MĐ 32	Trồng và chăm sóc cây vừng	60	16	40	4
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây hướng dương	60	16	40	4
MĐ 34	Trồng và chăm sóc cây jatropha	60	20	36	4
MĐ 35	Trồng và chăm sóc cây bông	60	16	40	4
MĐ 36	Trồng và chăm sóc cây đay	60	16	40	4
MĐ 37	Trồng và chăm sóc cây dứa sợi	60	16	40	4
MĐ 38	Trồng và chăm sóc cây ca cao	60	20	36	4
MĐ 39	Trồng và chăm sóc cây điều	60	20	40	4
MĐ 40	Trồng và chăm sóc cây tiêu	60	20	40	4
MĐ 41	Trồng và chăm sóc quế	60	20	36	4
MĐ 42	Trồng và chăm sóc cây trầu	60	16	40	4
MĐ 43	Trồng và chăm sóc một số cây dược liệu	90	24	60	6
MĐ 44	Sản xuất nấm	90	24	60	6
MĐ 45	Điều tiết sinh trưởng cây trồng	90	24	60	6
MĐ 46	Dịch vụ bảo vệ thực vật cây công nghiệp	60	16	40	6
MĐ 47	Nông lâm kết hợp	60	20	36	4
MĐ 48	Nuôi ong và khai thác mật	90	28	56	6
MĐ 49	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	20	36	4
MĐ 50	Khuyến nông lâm	60	16	40	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề trồng cây công nghiệp là 990 giờ, chiếm 30% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng miền, các trường hoặc cơ sở đào tạo nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 990 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho các vùng, miền;

- Ví dụ đối với vùng núi phía Bắc có thể tham khảo sự lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 31	Tiếng Anh nông nghiệp	60	28	28	4
MĐ 32	Trồng và chăm sóc cây vừng	60	16	40	4
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây hướng dương	60	16	40	4
MĐ 34	Trồng và chăm sóc cây jatropha	60	20	36	4
MĐ 35	Trồng và chăm sóc cây bông	60	16	40	4
MĐ 36	Trồng và chăm sóc cây đay	60	16	40	4
MĐ 37	Trồng và chăm sóc cây dứa sợi	60	16	40	4
MĐ 38	Trồng và chăm sóc cây ca cao	60	20	36	4
MĐ 41	Trồng và chăm sóc quế	60	20	36	4
MĐ 42	Trồng và chăm sóc cây trầu	60	16	40	4
MĐ 43	Trồng và chăm sóc một số cây dược liệu	90	24	60	6
MĐ 44	Sản xuất nấm	90	24	60	6
MĐ 47	Nông lâm kết hợp	60	20	36	4
MĐ 48	Nuôi ong và khai thác mật	90	28	56	6
MĐ 50	Khuyến nông lâm	60	16	40	4
	Tổng cộng	**990**	**300**	**624**	**66**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Thời gian không quá 180 phút Thời gian không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/ sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Thi lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Thời gian không quá 180 phút Thời gian không quá 60 phút Thời gian không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/sinh viên)
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (*tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	 Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần
6	Tổ chức hội thi chuyên đề	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề từ chọn: căn cứ vào những nội dung phần tự chọn mà sinh viên đã học ở chương trình cao đẳng nghề và căn cứ vào chương trình đào tạo cao đẳng nghề của cơ sở đào tạo, sinh viên có thể học một phần hoặc toàn bộ các môn học, mô đun tự chọn./.

Phụ lục 3

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "TRỒNG CÂY ĂN QUẢ"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 3A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Trồng cây ăn quả

Mã nghề: 40620104

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Nêu được các bước trong các phương pháp sản xuất cây giống cây ăn quả;

+ Phân biệt được các loại giống cây ăn quả, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất điều tiết sinh trưởng, hóa chất bảo quản thường sử dụng trong nghề trồng cây ăn quả;

+ Trình bày được các nguyên tắc, quá trình sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, chăm sóc cây ăn quả phù hợp với đặc điểm sinh học và điều kiện ngoại cảnh;

+ Mô tả được quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề Trồng cây ăn quả;

+ Áp dụng được các nguyên tắc, quy trình để sản xuất một số loại cây ăn quả chính ở các vùng sinh thái theo tiêu chuẩn GAP.

- Kỹ năng:

+ Lập được kế hoạch, tổ chức kinh doanh, sản xuất các sản phẩm cây ăn quả với quy mô nhỏ đạt hiệu quả;

+ Xây dựng được vườn trồng cây ăn quả theo đúng thiết kế;

+ Thực hiện sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, điều tiết sinh trưởng, phát triển, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ một số sản phẩm cây ăn quả chính một cách thành thạo đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây ăn quả đảm bảo kỹ thuật;

+ Thu thập được các số liệu đầu vào, đầu ra trong sản xuất kinh doanh các sản phẩm cây ăn quả.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Có lối sống lành mạnh, sống và làm việc theo Pháp luật;

+ Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, có chất lượng và năng suất cao;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập, bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang.

3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề Trồng cây ăn quả có thể làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình, các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây ăn quả.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1620 giờ; Thời gian học tự chọn: 720 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 465 giờ; Thời gian học thực hành: 1095 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm nhằm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1620**	**422**	**1085**	**108**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**285**	**166**	**95**	**19**
MH 07	Sinh lý thực vật	45	25	17	3
MH 08	Trồng trọt đại cương	150	92	48	10
MH 09	Bảo vệ môi trường	30	13	10	2
MH 10	Sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn GAP	60	36	20	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1335**	**256**	**990**	**89**
MH 11	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	45	14	28	3
MĐ 12	Chế biến bảo quản sản phẩm cây ăn quả	45	14	28	3
MĐ 13	Sản xuất giống cây ăn quả	150	32	108	10
MĐ 14	Thiết kế vườn trồng cây ăn quả	45	14	28	3
MĐ 15	Trồng và chăm sóc cây Bưởi	90	20	64	6
MĐ 16	Trồng và chăm sóc nhóm cây Nhãn - Vải	180	36	132	12
MĐ 17	Trồng và chăm sóc cây Thanh long	90	16	68	6
MĐ 18	Trồng và chăm sóc cây Dứa	90	16	68	6
MĐ 19	Trồng và chăm sóc cây Xoài	75	14	56	5
MĐ 20	Trồng và chăm sóc cây Mít	75	14	56	5
MĐ 21	Trồng và chăm sóc cây Dưa hấu	90	16	68	6
MĐ 22	Trồng và chăm sóc cây Đu đủ	75	14	56	5
MĐ 23	Tiêu thụ sản phẩm	60	12	44	4
MĐ 24	Sử dụng máy nông nghiệp	60	12	44	4
MĐ 25	Thực tập tại cơ sở	165	12	142	11
	Tổng cộng	**1830**	**528**	**1172**	**125**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Trồng và chăm sóc cây Vú sữa	90	24	60	6
MĐ 27	Trồng và chăm sóc cây Sầu riêng	90	24	60	6
MĐ 28	Trồng và chăm sóc cây Nho	75	18	52	5
MĐ 29	Trồng và chăm sóc cây Sơ ri	75	18	52	5
MĐ 30	Trồng và chăm sóc cây Ổi	60	16	40	4
MĐ 31	Trồng và chăm sóc cây Táo	75	18	52	5
MĐ 32	Trồng và chăm sóc cây Bơ	75	18	52	5
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây Chôm chôm	75	18	52	5
MĐ 34	Trồng và chăm sóc cây Mãng cầu	75	18	52	5
MĐ 35	Trồng và chăm sóc cây Dừa	90	24	60	6
MĐ 36	Trồng Nấm	90	24	60	6
MĐ 37	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	90	24	60	6
MĐ 38	Dịch vụ bảo vệ thực vật cho cây ăn quả	90	24	60	6
MH 39	Khuyến nông	60	16	40	4
MĐ 40	Sản xuất hữu cơ cây ăn quả	60	16	40	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ trung cấp nghề trồng cây ăn quả là 720 giờ, chiếm 30% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 720 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho các vùng, miền;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 26	Trồng và chăm sóc cây Vú sữa	90	24	60	6
MĐ 27	Trồng và chăm sóc cây Sầu riêng	90	24	60	6
MĐ 28	Trồng và chăm sóc cây Nho	75	18	52	5
MĐ 29	Trồng và chăm sóc cây Sơ ri	75	18	52	5
MĐ 30	Trồng và chăm sóc cây Ổi	60	16	40	4
MĐ 31	Trồng và chăm sóc cây Táo	75	18	52	5
MĐ 32	Trồng và chăm sóc cây Bơ	75	18	52	5
MĐ 35	Trồng và chăm sóc cây Dừa	90	24	60	6
MĐ 36	Trồng Nấm	90	24	60	6
	Tổng cộng	**720**	**184**	**488**	**48**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 60 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Thi lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị là 40 phút và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (*tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra học sinh có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	 Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần
6	Tự tổ chức các cuộc thi thiết kế non bộ - tiểu cảnh, vườn cảnh.	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác:

Đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: căn cứ vào những nội dung phần tự chọn học sinh có thể học một phần hoặc toàn bộ các môn học, mô đun tự chọn./.

Phụ lục 3B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Trồng cây ăn quả

Mã nghề: 50620104

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 44

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp sản xuất cây giống cây ăn quả, phương pháp điều chỉnh sinh trưởng và phát triển;

+ Phân tích được cơ sở để lựa chọn các loại giống cây ăn quả, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất điều tiết sinh trưởng, hóa chất bảo quản thường sử dụng phù hợp trong nghề trồng cây ăn quả;

+ Phân tích được các nguyên tắc, các điểm lưu ý trong quá trình sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cây ăn quả phù hợp với đặc điểm sinh học và điều kiện ngoại cảnh;

+ Mô tả chi tiết quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề Trồng cây ăn quả;

+ Áp dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế, khảo sát thị trường để thực hiện tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh các sản phẩm cây ăn quả;

+ Áp dụng được các nguyên tắc, quy trình để sản xuất một số loại cây ăn quả chính ở các vùng sinh thái theo tiêu chuẩn GAP đạt hiệu quả.

- Kỹ năng:

+ Khảo sát thị trường và lập được kế hoạch, tổ chức kinh doanh, sản xuất các sản phẩm cây ăn quả đạt hiệu quả;

+ Thiết kế và xây dựng được vườn trồng cây ăn quả đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Thực hiện sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, điều tiết sinh trưởng, phát triển, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả một cách thành thạo đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây ăn quả đảm bảo chất lượng và hiệu quả;

+ Thống kê và xử lý các số liệu liên quan tới sản xuất, kinh doanh cây ăn quả bằng các phần mềm thông dụng;

+ Phân tích được hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng loại cây ăn quả theo chu kỳ;

+ Tra cứu, thu thập thông tin trên Internet và giao tiếp tiếng Anh trong những trường hợp thông thường

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có lối sống lành mạnh, sống và làm việc theo Pháp luật;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo một số kỹ năng quân sự cần thiết và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở;

3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề Trồng cây ăn quả sẽ làm:

+ Quản lý đội, tổ, nhóm;

+ Làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình;

+ Làm việc tại chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây ăn quả.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 650 giờ; Thời gian học thực hành: 1769

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
I	*Các môn chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2310**	**615**	**1541**	**154**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**375**	**226**	**124**	**25**
MH 07	Sinh lý thực vật	60	36	20	4
MH 08	Trồng trọt đại cương	150	92	48	10
MH 09	Quản trị sản xuất CAQ	30	18	10	2
MH 10	Bảo vệ môi trường	30	18	10	2
MH 11	Sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn GAP	60	36	20	4
MH 12	Tin học ứng dụng	45	26	16	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1935**	**389**	**1417**	**129**
MĐ 13	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	60	16	40	4
MĐ 14	Khảo sát thị trường CAQ	45	14	28	3
MĐ 15	Điều khiển sinh trưởng	75	18	52	5
MĐ 16	Chế biến bảo quản sản phẩm cây ăn quả	45	14	28	3
MĐ 17	Sản xuất cây giống cây ăn quả	150	36	104	10
MĐ 18	Vi nhân giống cây ăn quả	60	16	40	4
MĐ 19	Thiết kế vườn trồng cây ăn quả	60	16	40	4
MĐ 20	Trồng và chăm sóc nhóm cây có múi	180	40	128	12
MĐ 21	Trồng và chăm sóc nhóm cây Nhãn - Vải	180	40	128	12
MĐ 22	Trồng và chăm sóc cây Thanh long	90	20	64	6
MĐ 23	Trồng và chăm sóc cây Dứa	90	20	64	6
MĐ 24	Trồng và chăm sóc cây Chuối	75	18	52	5
MĐ 25	Trồng và chăm sóc cây Xoài	75	18	52	5
MĐ 26	Trồng và chăm sóc cây Mít	90	20	64	6
MĐ27	Trồng và chăm sóc cây Dưa hấu	75	18	52	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Trồng và chăm sóc cây Đu đủ	75	18	52	5
MĐ 29	Tiêu thụ sản phẩm	60	16	40	4
MĐ 30	Sử dụng máy nông nghiệp	60	16	40	4
MĐ 31	Thực tập cơ sở	390	15	349	26
	Tổng cộng	**2760**	**835**	**1741**	**184**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Trồng và chăm sóc cây Lạc tiên	60	16	40	4
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây Vú sữa	90	24	60	6
MĐ 34	Trồng và chăm sóc cây Sầu riêng	90	24	60	6
MĐ 35	Trồng và chăm sóc cây Nho	75	18	52	5
MĐ 36	Trồng và chăm sóc cây Sơ ri	75	18	52	5
MĐ 37	Trồng và chăm sóc cây Ổi	60	16	40	4
MĐ 38	Trồng và chăm sóc cây Táo	75	18	52	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 39	Trồng và chăm sóc cây Bơ	75	18	52	5
MĐ 40	Trồng và chăm sóc cây Chôm chôm	75	18	52	5
MĐ 41	Trồng và chăm sóc cây Mãng cầu	75	18	52	5
MĐ 42	Trồng và chăm sóc cây Dừa	90	24	60	6
MĐ 43	Trồng Nấm	90	24	60	6
MĐ 44	Dịch vụ bảo vệ thực vật cho cây ăn quả	90	24	60	6
MH 45	Khuyến nông	60	16	40	4
MĐ 46	Sản xuất cây ăn quả hữu cơ	60	16	40	4
MH 47	Phát triển nông thôn	60	16	40	4
MH 48	An toàn lao động	30	16	12	2
MĐ 49	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	16	40	4
MĐ 50	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	90	24	60	6
MĐ 51	Vi nhân giống cây ăn quả	90	24	60	6
MĐ 52	Ngoại khóa chuyên môn	60	16	40	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Trồng cây ăn quả là 990 giờ, chiếm 30% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 990 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho các vùng, miền;

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Trồng và chăm sóc cây Lạc tiên	60	16	40	4
MĐ 33	Trồng và chăm sóc cây Vú sữa	90	24	60	6
MĐ 34	Trồng và chăm sóc cây Sầu riêng	90	24	60	6
MĐ 37	Trồng và chăm sóc cây Ổi	60	16	40	4
MĐ 38	Trồng và chăm sóc cây Táo	75	18	52	5
MĐ 39	Trồng và chăm sóc cây Bơ	75	18	52	5
MĐ 40	Trồng và chăm sóc cây Chôm chôm	75	18	52	5
MĐ 41	Trồng và chăm sóc cây Mãng cầu	75	18	52	5
MĐ 42	Trồng và chăm sóc cây Dừa	90	24	60	6
MĐ 43	Trồng Nấm	90	24	60	6
MĐ 49	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	16	40	4
MĐ 50	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	90	24	60	6
MĐ 52	Ngoại khóa chuyên môn	60	16	40	4
	Tổng cộng	**990**	**256**	**668**	**66**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Thời gian không quá 180 phút Thời gian không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/ sinh viên)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Thi lý thuyết nghề	Viết	Thời gian không quá 180 phút
		Trắc nghiệm	Thời gian không quá 60 phút
		Vấn đáp	Thời gian không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/sinh viên)
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (*tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	 Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần.
6	Tự tổ chức các cuộc thi liên quan đến chuyên môn.	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần.

4. Các chú ý khác:

Đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: căn cứ vào những nội dung phần tự chọn mà sinh viên đã học ở chương trình trung cấp nghề và căn cứ vào chương trình đào tạo cao đẳng nghề của cơ sở đào tạo, sinh viên có thể học một phần hoặc toàn bộ các môn học, mô đun tự chọn./.

Phụ lục 4

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "KỸ THUẬT DÂU TẰM TƠ"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 4A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: **Kỹ thuật dâu tằm tơ**

Mã nghề: **40620108**

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các biện pháp kỹ thuật trong quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc, thu hái lá dâu sao cho giữ được sự cân đối giữa dâu và tằm;

+ Trình bày được các công đoạn trong kỹ thuật nuôi tằm, thu hoạch kén và phòng trừ dịch hại tằm để đạt năng suất cao;

+ Nêu được những kiến thức cơ bản về pháp lệnh trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật; về an toàn lao động và bảo vệ môi trường hiện nay;

+ Nêu được những kiến thức cơ bản cơ khí nông nghiệp để vận hành một số máy móc, thiết bị và dụng cụ được sử dụng trong sản xuất dâu tằm.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo các thao tác cơ bản trong quy trình kỹ thuật trồng dâu, chăm sóc, phòng trừ dịch hại và thu hái lá dâu;

+ Thực hiện thành thạo các thao tác cơ bản trong quy trình kỹ thuật nuôi tằm, phòng trừ dịch hại, thu hoạch kén;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ, trang thiết bị, máy nông nghiệp phổ biến trong sản xuất dâu tằm;

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho người trực tiếp lao động;

+ Tổng kết và đúc rút được những kinh nghiệm của các hộ trồng dâu nuôi tằm trên cơ sở đó xây dựng được các điển hình tiên tiến.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Hàng không Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau tốt nghiệp đủ trình độ và năng lực làm việc ở các vị trí trong nghề Kỹ thuật dâu tằm tơ. Có đủ trình độ và năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở, trang trại sản xuất dâu, kén và các trạm thu mua kén.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1680 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 622 giờ; Thời gian học thực hành: 1718 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
I	*Các môn chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1680**	**413**	**1194**	**73**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở bắt buộc	**600**	**281**	**287**	**32**
MH 07	Sinh lý thực vật	75	45	26	4
MH 08	Di truyền - Giống	75	45	26	4
MH 09	Khí tượng nông nghiệp	45	17	26	2
MH 10	Đất trồng - Phân bón	90	48	37	5
MH 11	Côn trùng đại cương	75	21	50	4
MH 12	Thuốc bảo vệ thực vật	60	20	37	3
MH 13	Cơ khí nông nghiệp	45	17	25	3
MH 14	An toàn lao động	60	23	34	3
MH 15	Bảo vệ môi trường và Pháp luật ngành	75	45	26	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề bắt buộc	**1080**	**132**	**907**	**41**
MĐ 16	Lập kế hoạch trồng dâu nuôi tằm	30	10	18	2
MĐ 17	Kỹ thuật trồng dâu	150	42	100	8
MĐ 18	Quản lý dịch hại dâu	45	9	34	2
MĐ 19	Kỹ thuật nuôi tằm	150	42	100	8
MĐ 20	Quản lý dịch hại tằm	45	9	34	2
MĐ 21	Chăm sóc tằm chín và thu hoạch kén	60	20	37	3
MĐ 22	Thực tập ngoại khóa	240		236	4
MĐ 23	Thực tập cuối khóa	360		348	12
	Tổng cộng	**1890**	**519**	**1281**	**90**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Khuyến nông	45	26	17	2
MĐ 25	Bảo quản và sơ chế kén	45	9	34	2
MĐ 26	Dịch vụ bảo vệ dâu tằm	45	13	30	2
MĐ 27	Kỹ thuật trồng cây họ đậu	60	20	37	3
MĐ 28	Kỹ thuật trồng cây lương thực	60	17	40	3
MĐ 29	Kỹ thuật trồng rau	60	17	40	3
MĐ 30	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	90	21	64	5
MĐ 31	Kỹ thuật trồng hoa	90	21	64	5
MĐ 32	Chăn nuôi đại cương	90	21	64	5
MĐ 33	Quản lý nuôi tằm con tập trung	90	21	64	5
MĐ 34	Chế biến các sản phẩm phụ dâu tằm	90	21	64	5
MĐ 35	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	90	26	59	5
MH 36	Kỹ thuật trồng cây lương thực	60	17	40	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Kỹ thuật dâu tằm tơ là 660 giờ, chiếm 28 % tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 660 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 70%) để giảng dạy cho phù hợp với các vùng, miền;

- Ví dụ đối với vùng Tây Nguyên có thể lựa chọn 9 mô đun, môn học tự chọn là 660 giờ theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 24	Khuyến nông	45	26	17	2
MĐ 25	Bảo quản và sơ chế kén	45	9	34	2
MĐ 27	Kỹ thuật trồng cây họ đậu	60	20	37	3
MĐ 29	Kỹ thuật trồng rau	60	20	37	3
MĐ 30	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	90	26	59	5
MĐ 31	Kỹ thuật trồng hoa	90	26	59	5
MĐ 32	Chăn nuôi đại cương	90	22	63	5
MĐ 33	Quản lý nuôi tằm con tập trung	90	26	59	5
MĐ 34	Chế biến các sản phẩm phụ dâu tằm	90	22	63	5
	Tổng cộng	**660**	**197**	**428**	**35**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp của nghề	Không quá 12 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 4B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: **Kỹ thuật Dâu tằm tơ**

Mã nghề: 50620108

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm các giống dâu, các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý dịch hại và thu hái dâu đáp ứng yêu cầu nuôi tằm lấy kén ươm;

+ Trình bày được đặc điểm tằm dâu và các biện pháp kỹ thuật nuôi tằm, quản lý dịch hại, thu hoạch kén;

+ Liên hệ được các yêu cầu kỹ thuật trong hai công đoạn trồng dâu và nuôi tằm để xây dựng kế hoạch sản xuất dâu và nuôi tằm, tiêu thụ sản phẩm cho nhịp nhàng ăn khớp đạt hiệu quả kinh tế cao;

+ Trình bày được các kiến thức cơ sở quan trọng để áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng dâu nuôi tằm cho phù hợp;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về pháp lệnh trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật; về an toàn lao động và bảo vệ môi trường hiện nay;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản cơ khí nông nghiệp để có thể vận hành, bảo dưỡng một số máy móc thiết bị dụng cụ được sử dụng phổ biến trong sản xuất dâu tằm;

+ Vận dụng các kiến thức quản trị doanh nghiệp để lập kế hoạch sản xuất dâu tằm đạt hiệu quả kinh tế.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo các thao tác cơ bản trong quy trình kỹ thuật trồng dâu, chăm sóc, quản lý dịch hại và thu hái lá dâu;

+ Thực hiện thành thạo các thao tác cơ bản trong quy trình kỹ thuật nuôi tằm, phòng trừ dịch hại, thu hoạch kén;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc phổ biến trong sản xuất dâu tằm; bảo trì và sửa chữa các thiết bị trong nhà nuôi theo yêu cầu kỹ thuật;

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho nông dân và công nhân có trình độ sơ cấp và trung cấp nghề;

+ Lập được kế hoạch và tổ chức sản xuất sản xuất kinh doanh về dâu tằm;

+ Thiết kế và chỉ đạo việc trồng dâu theo kế hoạch; chỉ đạo việc xây dựng nhà nuôi, lắp đặt thiết bị theo yêu cầu kỹ thuật;

+ Tổng kết và đánh giá quy trình, quá trình sản xuất dâu tằm của các cơ sở điển hình từ đó xây dựng được mô hình sản xuất tiên tiến phù hợp với đặc điểm vùng, miền.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Hàng không Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;

+ Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng nghề kỹ thuật dâu tằm tơ có khả năng quản lý các cơ sở sản xuất dâu tằm, kết hợp dâu tằm với các cây trồng vật nuôi khác, hoặc làm việc trực tiếp tại nông hộ, trang trại và các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất dâu, sản xuất kén ươm và thu mua kén.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2535 giờ; Thời gian học tự chọn: 765 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1006 giờ; Thời gian học thực hành: 2294 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2535**	**766**	**1654**	**115**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở bắt buộc	**915**	**450**	**418**	**47**
MH 07	Sinh lý thực vật	75	45	26	4
MH 08	Sinh hóa thực vật	75	45	26	4
MH 09	Di truyền - Giống	75	45	26	4
MH 10	Khí tượng nông nghiệp	45	17	26	2
MH 11	Vi sinh vật đại cương	60	31	26	3
MH 12	Đất trồng - Phân bón	90	48	37	5
MH 13	Côn trùng đại cương	75	21	50	4
MH 14	Quản lý cỏ dại	45	16	27	2
MH 15	Thuốc bảo vệ thực vật	60	20	37	3
MH 16	Cơ khí nông nghiệp	45	17	25	3
MH 17	Hệ thống nông nghiệp	45	28	15	2
MH 18	Quản trị doanh nghiệp	45	24	19	2
MH 19	Bảo vệ môi trường và Pháp lệnh ngành	75	45	26	4
MH 20	An toàn lao động	60	23	34	3
MH 21	Phương pháp thí nghiệm	45	24	19	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề bắt buộc	**1620**	**268**	**1270**	**82**
MH 22	Giải phẫu sinh lý tằm	90	59	26	5
MH 23	Giống tằm	75	22	49	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Lập kế hoạch trồng dâu nuôi tằm	45	13	30	2
MĐ 25	Nhân giống dâu	90	26	59	5
MĐ 26	Kỹ thuật trồng dâu	150	42	100	8
MĐ 27	Quản lý dịch hại dâu	90	26	59	5
MĐ 28	Kỹ thuật nuôi tằm	150	42	100	8
MĐ 29	Quản lý dịch hại tằm	90	26	59	5
MĐ 30	Chăm sóc tằm chín và thu hoạch kén	60	20	37	3
MĐ 31	Quản lý động vật hại dâu tằm	60	20	37	3
MĐ 32	Thực tập ngoại khóa	240		236	4
MĐ 33	Thực tập cuối khóa	480		464	16
	Tổng cộng	**2070**	**296**	**1256**	**68**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Khuyến nông	45	26	17	2
MĐ 35	Dịch vụ bảo vệ dâu tằm	45	13	30	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Kỹ năng giao tiếp	60	20	37	3
MĐ 37	Kỹ thuật trồng cây họ đậu	60	20	37	3
MĐ 38	Kỹ thuật trồng cây lương thực	60	18	39	3
MĐ 39	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	90	26	59	5
MĐ 40	Kỹ thuật trồng rau	60	20	37	3
MĐ 41	Kỹ thuật trồng hoa	90	26	59	5
MĐ 42	Chăn nuôi đại cương	90	22	63	5
MĐ 43	Quản lý nuôi tằm con tập trung	90	26	59	5
MĐ 44	Chế biến tơ kén	90	30	55	5
MĐ 45	Chế biến các sản phẩm phụ dâu tằm	90	22	63	5
MĐ 46	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	90	26	59	5

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật dâu tằm tơ là 765 giờ, chiếm 23% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 765 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho phù hợp với các vùng, miền;

- Ví dụ đối với vùng Tây Nguyên có thể lựa chọn 10 mô đun, môn học tự chọn là 765 giờ theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Khuyến nông	45	26	17	2
MĐ 36	Kỹ năng giao tiếp	60	20	37	3
MĐ 37	Kỹ thuật trồng cây họ đậu	60	20	37	3
MĐ 39	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	90	26	59	5
MĐ 40	Kỹ thuật trồng rau	60	20	37	3
MĐ 41	Kỹ thuật trồng hoa	90	26	59	5
MĐ 42	Chăn nuôi đại cương	90	22	63	5
MĐ 43	Quản lý nuôi tằm con tập trung	90	26	59	5
MĐ 44	Chế biến tơ kén	90	30	55	5
MĐ 45	Chế biến các sản phẩm phụ dâu tằm	90	22	63	5
	Tổng cộng	**765**	**238**	**486**	**41**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Thi lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

Hoạt động ngoại khóa nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học; các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí thời gian cho hoạt động ngoại khóa ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp theo các nội dung sau đây:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho hoạt động thực hành, thực tập:

+ Thực hành, thực tập nghề Kỹ thuật dâu tằm tơ: thời gian và nội dung theo chương trình khung, về nội dung các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng nội dung thực hành, thực tập phù hợp theo cơ sở vật chất và đặc tính vùng, miền;

+ Thực tập tốt nghiệp cuối khóa: thời gian theo đề cương chương trình khung, về nội dung các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng nội dung thực tập tốt nghiệp cuối khóa phù hợp theo cơ sở vật chất và đặc tính vùng, miền.

- Đào tạo nghề Kỹ thuật dâu tằm tơ đòi hỏi phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồng ruộng phù hợp.Vì vậy, để thực hiện tốt chương trình đào tạo này các Cơ sở dạy nghề phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu, cơ quan chuyên ngành để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội./.

Phụ lục 5

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "KỸ THUẬT DƯỢC"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 5A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật dược

Mã số nghề: 40720401

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức khoa học cơ bản và dược học cơ sở;

+ Trình bày được các quy chế, quy trình cơ bản trong: sản xuất, pha chế, kiểm nghiệm, đóng gói, bảo quản, phân phối thuốc;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế sản xuất, kiểm tra, kiểm nghiệm, bảo quản trong sản xuất thuốc;

+ Mô tả được cách vận hành, bảo dưỡng một số máy móc (máy dập viên, tủ sấy tầng sôi, máy trộn siêu tốc) trong sản xuất pha chế, kiểm nghiệm và bảo quản;

+ Trình bày được các nguyên tắc bảo, quy trình trong đảm bảo vệ sinh, an toàn trong sản xuất, pha chế, bảo quản, kiểm nghiệm và phòng chống cháy nổ;

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình sản xuất, pha chế, kiểm nghiệm và bảo quản theo chuyên môn, theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình;

+ Thực hiện được quá trình đóng gói, dán nhãn sản phẩm theo quy định của quy chế, ghi chép hồ sơ lô, biểu mẫu đúng quy định;

+ Thực hiện được việc bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm theo đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Vận hành được một số máy móc trong sản xuất đúng quy trình kỹ thuật như máy ép vỉ, máy dập viên, tủ sấy tầng sôi;

+ Phát hiện được các sự cố máy móc trong quá trình sản xuất và thông báo với bộ phận kỹ thuật của mình;

+ Thực hiện vệ sinh cá nhân đúng quy định thực hành tốt sản xuất thuốc, vệ sinh phân xưởng, vệ sinh khu sản xuất đúng quy chế an toàn lao động, an toàn tiết kiệm điện, phòng chống cháy nổ;

+ Sử dụng được tin học trong việc cập nhật thông tin mới về kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nghề, đào tạo và đào tạo lại;

+ Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các nhân viên mới, nhân viên có trình độ thấp hơn;

2. Chính trị, đạo đức: Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu và vận dụng được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, trong quá trình làm việc;

+ Thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao, có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng; có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc;

3. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp nghề kỹ thuật dược, học sinh được làm việc trực tiếp tại các cơ sở sản xuất Dược;

- Làm kỹ thuật viên trong các trường trung cấp dạy nghề Dược;

- Được học liên thông lên các trình độ cao hơn theo quy định.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 270 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1800 giờ; Thời gian học tự chọn: 540 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 703 giờ; Thời gian học thực hành: 1633 giờ

3. Thời gian học văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	3	24	3
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1800**	**513**	**1204**	**83**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**630**	**245**	**348**	**37**
MH 07	Hóa phân tích	120	45	68	7
MH 08	Thực vật dược	60	22	36	2
MH 09	Hóa dược I	105	40	58	7
MH 10	Dược liệu	90	32	52	6
MH 11	Quản lý tồn trữ	45	16	26	3
MH 12	Vi sinh ký sinh	45	16	26	3
MĐ 13	Bào chế đại cương	90	30	56	4
MH 14	Pháp chế dược	30	28	0	2
MH 15	Hóa dược II	45	16	26	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1170**	**268**	**856**	**46**
MH 16	An toàn lao động	30	12	16	2
MH 17	Kiểm nghiệm	90	30	56	4
MĐ 18	Kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc	90	30	56	4
MĐ 19	Kỹ thuật bào chế dung dịch thuốc, thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt	90	30	56	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Kỹ thuật bào chế thuốc mỡ, thuốc đặt	90	30	56	4
MĐ 21	Kỹ thuật bào chế thuốc bột, cốm pellet, viên tròn	75	20	52	3
MĐ 22	Kỹ thuật bào chế các dạng viên nén	90	30	56	4
MH 23	Đảm bảo chất lượng thuốc	30	28	0	2
MĐ 24	Tủ sấy tầng sôi	45	14	28	3
MĐ 25	Máy trộn siêu tốc	45	14	28	3
MĐ 26	Máy dập viên	75	20	52	3
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	420	10	400	10
Tổng cộng		**2010**	**619**	**1291**	**100**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Máy ép vỉ	75	14	56	5
MH 29	Kinh tế dược	30	28	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Quản trị kinh doanh dược	75	40	32	3
MH 31	Marketing dược	30	16	12	2
MĐ 32	Nồi hấp tiệt trùng	45	14	28	3
MĐ 33	Máy trộn siêu tốc M 300	75	14	56	5
MĐ 34	Kính hiển vi điện tử truyền qua	60	48	8	4
MH 35	Cơ sở kỹ thuật khuấy, trộn	60	28	28	4
MH 36	Kỹ thuật sấy	45	42	0	3
MĐ 37	Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền	90	30	56	4
MĐ 38	Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc hiện đại	90	30	56	4
MH 39	Tin học ứng dụng	45	14	28	2
	Tổng cộng	**720**	**318**	**360**	**41**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 25% đến 35%, thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 75%.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 8 trong số 13 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Máy ép vỉ	75	14	56	5
MĐ 32	Nồi hấp tiệt trùng	45	14	28	3
MĐ 33	Máy trộn siêu tốc M 300	75	14	56	5
MĐ 34	Kính hiển vi điện tử truyền qua	60	48	8	4
MH 35	Cơ sở kỹ thuật khuấy, trộn	60	28	28	4
MH 36	Kỹ thuật sấy	45	42	0	3
MĐ 37	Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền	90	15	23	2
MH 38	Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc hiện đại	90	14	28	2
	Tổng cộng	**540**	**189**	**227**	**28**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục.1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền;

- Chương trình môn học, mô đun tự chọn phải được xây dựng theo mẫu của các chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc tại Phụ lục 11 và Phụ lục 12 Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Cơ sở mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, tham gia sản xuất trực tiếp tại các phân xưởng, dây chuyền sản xuất, kho cấp phát nguyên liệu hóa dược, của các công ty, nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Phần tự chọn trong chương trình này được định hướng tỷ lệ thời gian giữa các môn học và mô đun đào tạo 22,22% thời gian dành cho lý thuyết và 77,78% dành cho thực hành, nhưng tùy theo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị của từng Cơ sở dạy nghề và vùng, miền các Cơ sở dạy nghề có thể xác định các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp hơn;

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

Phụ lục 5B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật dược

Mã số nghề: 50720401

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 50

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về dược học cơ sở;

+ Phân tích, mô tả được quy trình lập kế hoạch sản xuất thuốc theo đúng quy trình kỹ thuật;

+ Trình bày được các quy chế, quy định, quy trình trong: sản xuất, pha chế, kiểm nghiệm, đóng gói, bảo quản và phân phối thuốc;

+ Trình bày được quy trình, phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, sản xuất, định mức lao động cho lô mẻ sản xuất thuốc;

+ Trình bày được các kiến thức về bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm thuốc;

+ Mô tả được nguyên tắc cấu tạo, quy trình vận hành một số thiết bị máy móc trong sản xuất thuốc như: máy dập viên, máy ép vỉ, máy trộn siêu tốc, tủ sấy tầng sôi;

+ Trình bày được các kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh cá nhân, vệ sinh phân xưởng; an toàn tiết kiệm điện và phòng chống cháy nổ theo đúng quy chế.

- Kỹ năng:

+ Tổ chức, thực hiện được việc lập kế hoạch sản xuất thuốc đúng quy trình kỹ thuật;

+ Xây dựng, tính toán được định mức nguyên liệu cho một lô, mẻ sản xuất thuốc;

+ Tổ chức, thực hiện được các quá trình pha chế, sản xuất, đóng gói sản phẩm theo quy định của quy chế;

+ Thực hiện được nhiệm vụ kiểm soát, kiểm tra chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất;

+ Tổ chức, thực hiện được việc bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm;

+ Thực hiện được việc vận hành thiết bị, máy móc trong sản xuất thuốc đúng quy trình kỹ thuật như: máy dập viên, máy ép vỉ, máy trộn siêu tốc, tủ sấy tầng sôi;

+ Tổ chức, thực hiện được việc ghi chép hồ sơ lô, biểu mẫu đúng quy định;

+ Giải quyết được các sự cố đơn giản trong quá trình sản xuất thuốc;

+ Tổ chức, thực hiện được vệ sinh công nghiệp, vệ sinh cá nhân đúng quy định thực hành tốt sản xuất thuốc;

+ Tổ chức, thực hiện được an toàn điện, phòng chống cháy nổ;

+ Tổ chức, thực hiện được việc bảo trì, bảo dưỡng một số thiết bị trong dây truyền sản xuất thuốc như: máy dập viên, máy ép vỉ, tủ sấy tầng sôi, máy tạo hạt;

+ Ứng dụng được tin học để sử dụng các phần mềm về tối ưu hóa công thức bào chế, cập nhật thông tin mới về kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nghề, đào tạo và đào tạo lại;

+ Tham gia đào tạo, bồi dưỡng các nhân viên mới;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết và vận dụng được một số kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam; về vai trò lãnh đạo, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, trong quá trình làm việc;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân; biết kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao;

+ Có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch, lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp.

+ Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp hệ cao đẳng nghề Kỹ thuật dược, sinh viên làm được công việc:

+ Trực tiếp sản xuất tại các phân xưởng sản xuất Dược;

+ Làm quản đốc phân xưởng hoặc tổ trưởng tổ sản xuất;

+ Làm kỹ thuật viên trong các trường dạy nghề Dược;

- Được học liên thông lên các trình độ cao hơn theo quy định.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2460 giờ; Thời gian học tự chọn: 840 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1070 giờ; Thời gian học thực hành: 2230 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2460**	**752**	**1610**	**108**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**960**	**411**	**502**	**47**
MH 07	Toán xác xuất thống kê	60	40	16	4
MH 08	Vật lý đại cương	60	26	32	2
MH 09	Hóa học I	60	26	32	2
MH 10	Hóa học II	90	30	56	4
MH 11	Thực vật dược	75	32	40	3
MH 12	Dược liệu	105	40	58	7
MH 13	Hóa dược I	105	40	58	7
MH 14	Quản lý tồn trữ	60	30	28	2
MH 15	Vi sinh, ký sinh	60	25	32	3
MĐ 16	Bào chế đại cương	105	38	62	5
MH 17	Hóa dược II	60	26	32	2
MH 18	Pháp chế dược	30	28	0	2
MH 19	Kiểm nghiệm	90	30	56	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1500**	**341**	**1108**	**61**
MH 20	An toàn lao động	45	30	12	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 21	Đảm bảo chất lượng thuốc	60	28	28	4
MĐ 22	Kỹ thuật bào chế thuốc hỗn dịch, nhũ dịch	75	30	41	4
MĐ 23	Kỹ thuật bào chế dung dịch thuốc, thuốc tiêm, tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt	105	38	62	5
MĐ 24	Kỹ thuật bào chế thuốc mỡ, thuốc đặt	105	38	62	5
MĐ 25	Kỹ thuật bào chế thuốc bột, cốm pellet, viên tròn	75	20	52	3
MĐ 26	Kỹ thuật bào chế các dạng viên nén	90	35	51	4
MĐ 27	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc nang	105	38	62	5
MĐ 28	Tủ sấy tầng sôi	45	14	28	3
MĐ 29	Máy trộn siêu tốc	45	14	28	3
MĐ 30	Máy tạo hạt	30	12	16	2
MĐ 31	Máy dập viên	105	20	80	5
MĐ 32	Máy ép vỉ	75	14	56	5
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	540	10	530	10
Tổng cộng		**2910**	**972**	**1810**	**138**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Quản trị kinh doanh dược	75	40	32	3
MH 35	Dược lý	45	22	20	3
MH 36	Marketing dược	30	16	12	2
MH 37	Kinh tế dược	60	37	20	3
MĐ 38	Sắc ký khí	45	10	32	3
MĐ 39	Nồi hấp	45	14	28	3
MĐ 40	Máy trộn siêu tốc M300	75	14	56	5
MĐ 41	Tủ sấy tầng sôi GFG120	75	14	56	5
MĐ 42	Thiết bị làm mềm nước BD/60-110	75	14	56	5
MĐ 43	Máy nén khí	75	14	56	5
MH 44	Cơ sở kỹ thuật khuấy, trộn	60	28	28	4
MĐ 45	Máy sấy điện	45	18	24	3
MH 46	Kỹ thuật sấy	45	42	0	3
MĐ 47	Kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc	105	38	62	5
MĐ 48	Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền	105	38	62	5
MĐ 49	Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc hiện đại	105	38	62	5
MH 50	Tin học ứng dụng	45	14	28	2
Tổng cộng		**1110**	**411**	**634**	**64**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 25% đến 35%, thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 75%.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 11 trong số 19 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 34	Quản trị kinh doanh dược	75	40	32	3
MH 35	Dược lý	45	22	20	3
MĐ 38	Sắc ký khí	45	10	32	3
MĐ 40	Máy trộn siêu tốc M300	75	14	56	5
MĐ 41	Tủ sấy tầng sôi GFG120	75	14	56	5
MĐ 42	Thiết bị làm mềm nước BD/60-110	75	14	56	5
MĐ 43	Máy nén khí	75	14	56	5
MH 44	Cơ sở kỹ thuật khuấy, trộn	60	28	28	4
MĐ 47	Kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc	105	38	62	5
MĐ 48	Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền	105	38	62	5
MĐ 49	Một số dạng bào chế hiện đại	105	38	62	5
Tổng cộng		**840**	**270**	**522**	**48**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, Các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền;

- Chương trình môn học, mô đun tự chọn phải được xây dựng theo mẫu của các chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc tại Phụ lục 11 và Phụ lục 12 của Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Cơ sở mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 60 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun thi tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho người học tham quan, học tập tại các dây chuyền, phân xưởng sản xuất của các công ty sản xuất dược phẩm như: phân xưởng viên nén, viên nang, thuốc bột, thuốc cốm, phân các kho nguyên liệu, thành phẩm;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian xưởng thuốc đông dược, thuốc nước, cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Phần tự chọn trong chương trình này được định hướng tỷ lệ thời gian giữa các môn học và mô đun đào tạo 32,1% thời gian dành cho lý thuyết và 67,9% dành cho thực hành, nhưng tùy theo từng loại máy móc và công nghệ, các Cơ sở dạy nghề có thể xác định tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành là: Lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 25% đến 35%, thực hành tỷ lệ từ 65% từ 75% để cho phù hợp hơn;

- Thời gian của từng môn học và mô đun có thể tăng hoặc giảm, nhưng vẫn phải bảo đảm tỷ lệ giữa phần bắt buộc và phần tự chọn nằm trong khoảng cho phép;

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp nghề lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ Trung cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Cao đẳng nghề./.